

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt chỉ tiêu tuyển sinh lớp 6 phổ thông dân tộc nội trú
và lớp 10 trung học phổ thông năm học 2022 - 2023**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21/9/2018 của Chính phủ về Quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông; Thông tư số 18/2014/TT-BGDĐT ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo bổ sung điểm a, khoản 2 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT ngày 18/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 1080/TTr-SGDĐT ngày 21/4/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt chỉ tiêu tuyển sinh lớp 6, lớp 10 phổ thông dân tộc nội trú (DTNT) và lớp 10 THPT năm học 2022-2023, cụ thể như sau:

1. Phê duyệt chỉ tiêu tuyển sinh các trường DTNT cấp tỉnh:

- Trường Phổ thông dân tộc nội trú Tiên Yên: 02 lớp 6 với 60 chỉ tiêu; 02 lớp 10 với 70 chỉ tiêu.

- Trường Phổ thông dân tộc tỉnh: 03 lớp, 105 chỉ tiêu.

(Chi tiết theo phụ lục 1)

2. Phê duyệt 10.261 chỉ tiêu tuyển sinh, 236 lớp 10 trung học phổ thông hệ công lập *(theo phụ lục số 2)*.

3. Phê duyệt 5.601 chỉ tiêu tuyển sinh, 136 lớp 10 trung học phổ thông hệ tư thục *(theo phụ lục số 3)*.

Điều 2. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

1. Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm:

- Chỉ đạo, hướng dẫn các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường trung học phổ thông triển khai công tác tuyển sinh theo đúng Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Phối hợp, thống nhất với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố: quy định phân vùng tuyển sinh, phân bổ chỉ tiêu tuyển sinh tạo điều kiện để các trường thực hiện Đề án tự chủ khi được phê duyệt và ưu tiên cho học sinh ở những khu vực khó khăn trên địa bàn có điều kiện học tập tốt.

- Tiếp tục rà soát, chỉ đạo các trường học đảm bảo đủ các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục. Chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc phân bổ tuyển sinh, tuyển sinh theo chỉ tiêu được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chủ trì, phối hợp, thống nhất với Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện phân vùng tuyển sinh, phân bổ chỉ tiêu tuyển sinh cho các xã, phường, thị trấn trên địa bàn, bảo đảm tốt điều kiện để các trường thực hiện Đề án tự chủ khi được phê duyệt và ưu tiên cho học sinh ở những khu vực khó khăn trên địa bàn có điều kiện học tập tốt; thông báo công khai đến cha mẹ học sinh, học sinh việc phân vùng tuyển sinh, phương án tuyển sinh và chỉ tiêu tuyển sinh đã được phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Các ông, bà: Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Thủ trưởng các sở, ngành liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
 - CT, các PCT UBND tỉnh;
 - V0, V1-5, GD, TH4, 5;
 - Lưu: VT, GD.
- QĐ-60.GD

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Hạnh



CHỈ TIÊU TUYỂN SINH LỚP 6, LỚP 10
PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ NĂM HỌC 2022-2023
(Kèm theo Quyết định số 1139/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. Chỉ tiêu tuyển sinh:

TT	Tên trường	Lớp 6		Lớp 10	
		Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS
1	Phổ thông DTNT THCS&THPT Tiên Yên	2	60	2	70
2	Phổ thông DTNT Tỉnh			3	105
	Tổng cộng	2	60	5	175

II. Phân bố chỉ tiêu tuyển sinh:

TT	Tên đơn vị	Số học sinh lớp 6	Số học sinh lớp 10		
			Tổng số	Trong đó:	
				NT Tỉnh	NT T.Yên
1	Huyện Ba Chẽ		20	10	10
2	Huyện Bình Liêu		37	19	18
3	Thành phố Cẩm Phả		5	5	
4	Huyện Đầm Hà		15	10	5
5	Huyện Đông Triều		2	2	
6	Huyện Hải Hà		25	14	11
7	Thành phố Hạ Long		25	25	
8	Thành phố Móng Cái		5	5	
9	Huyện Tiên Yên	60	31	5	26
10	Thành phố Uông Bí		5	5	
11	Huyện Vân Đồn		5	5	
	Tổng cộng	60	175	105	70



**CHỈ TIÊU TUYỂN SINH LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
HỆ CÔNG LẬP NĂM HỌC 2022-2023**

(Kèm theo Quyết định số 1139/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Tên trường	Số lớp	Số học sinh	Ghi chú
1	THPT Hòn Gai	13	548	Có 02 lớp song ngữ Tiếng Pháp 64 HS
2	THPT Bãi Cháy	10	450	
3	THPT Vũ Văn Hiếu	6	264	
4	THPT Ngô Quyền	7	308	
5	THPT Mông Dương	5	225	
6	THPT Cửa Ông	5	225	
7	THPT Lê Hồng Phong	5	225	
8	THPT Cẩm Phả	11	484	
9	THPT Lê Quý Đôn	6	270	
10	THPT Trần Phú	11	495	Có 03 lớp Tiếng Trung Quốc
11	THPT Lý Thường Kiệt	5	225	Có 01 lớp Tiếng Trung Quốc
12	THPT Hoàng Văn Thụ	6	270	
13	THPT Uông Bí	10	450	
14	THPT Lê Chân	7	315	
15	THPT Đông Triều	9	405	
16	THPT Hoàng Quốc Việt	9	405	
17	THPT Hoàng Hoa Thám	7	315	
18	THPT Đông Thành	7	280	Có 30 chỉ tiêu cho các phường: Đại Yên (Hạ Long), Nam Khê (Uông Bí)
19	THPT Minh Hà	10	400	
20	THPT Bạch Đằng	10	400	
21	THPT Hoành Bồ	7	315	
22	THPT Quảng La	3	135	
23	THPT Hải Đảo	9	405	
24	THPT Quan Lạn	2	80	
25	THPT Tiên Yên	5	225	
26	THPT Hải Đông	3	135	
27	THPT Ba Chẽ	5	225	
28	THPT Bình Liêu	5	225	
29	THCS&THPT Hoành Mô	4	180	
30	THPT Đầm Hà	7	315	
31	THPT Quảng Hà	8	360	
32	THCS&THPT Đường Hoa Cương	3	135	
33	THPT Cô Tô	3	97	
34	THPT Chuyên Hạ Long	13	470	Có 10 lớp chuyên, 350 học sinh và 03 lớp không chuyên, 120 học sinh
	Tổng cộng	236	10.261	

Ghi chú: Ngoài phân vùng tuyển sinh do UBND cấp huyện quy định, học sinh ở phường Đại Yên (Hạ Long) và Nam Khê (Uông Bí) được đăng ký dự tuyển vào trường THPT Đông Thành.

**CHỈ TIÊU TUYỂN SINH LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
HỆ TƯ THỰC NĂM HỌC 2022-2023**

(Kèm theo Quyết định số 1139/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Tên trường	Số lớp	Số học sinh	Ghi chú
1	TH, THCS&THPT Nguyễn Bình Khiêm	11	495	
2	THPT Hạ Long	4	180	
3	TH, THCS&THPT Lê Thánh Tông	10	420	
4	TH, THCS&THPT Văn Lang	6	250	
5	TH, THCS&THPT Đoàn Thị Điểm	5	225	
6	TH, THCS&THPT Việt Nam - Singapore			
7	TH, THCS&THPT Quốc Tế Singapore	2	15	
8	TH, THCS&THPT Học viện Anh quốc UK	2	50	
9	THPT Thống Nhất	5	180	Có 120 chỉ tiêu được hưởng theo nghị quyết 204/2019/NQ-HĐND ngày 27/7/2019 của HĐND Tỉnh
10	THPT Hùng Vương	7	315	
11	THPT Lương Thế Vinh	15	675	
12	THCS&THPT Chu Văn An	11	495	
13	THPT Nguyễn Tất Thành	6	210	
14	THPT Hồng Đức	7	315	
15	THPT Nguyễn Bình	7	280	
16	THPT Trần Nhân Tông	8	320	
17	TH, THCS&THPT Trần Hưng Đạo	2	60	
18	TH, THCS&THPT Yên Hưng	10	380	
19	THPT Ngô Gia Tự	5	190	
20	THPT Trần Quốc Tuấn	5	190	
21	THCS&THPT Trần Khánh Dư			
22	THPT Nguyễn Trãi	4	180	
23	THPT Nguyễn Du	4	176	
	Tổng cộng	136	5.601	